

Số: 2342/QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày 31 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc
thẩm quyền giải quyết và phạm vi quản lý nhà nước
của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 120/TTr-LĐTBXH ngày 26/9/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Danh mục gồm **159** thủ tục hành chính (*cấp tỉnh: 123 thủ tục, cấp huyện: 21 thủ tục, cấp xã: 15 thủ tục*) chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi quản lý nhà nước của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (*Chi tiết tại Phụ lục đính kèm*).

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm đăng tải nội dung Quyết định lên Trang văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh theo địa chỉ <http://qtpl.vpubnd.quangnam.vn> để các cơ quan, đơn vị, địa phương truy cập, nghiên cứu thực hiện.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm:

- Bổ sung, hoàn chỉnh nội dung cấu thành của từng thủ tục hành chính, cập nhật lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính (*tại địa chỉ <https://csdl.dichvucong.gov.vn>*) và Trang thông tin điện tử của đơn vị; đồng thời, gửi về Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông, Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh để đăng tải, công khai, niêm yết, cập nhật dữ liệu theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng, hoàn thiện, phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc ngành, lĩnh vực quản lý *(nếu có thay đổi)* để thiết lập quy trình điện tử lên Hệ thống thông tin Một cửa điện tử tỉnh theo quy định.

- Kể từ ngày ban hành Quyết định này, trên cơ sở Quyết định công bố mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ, bãi bỏ thủ tục hành chính của các cơ quan Trung ương, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm ban hành Quyết định công bố danh mục thủ tục hành chính và Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã theo ngành, lĩnh vực quản lý *(kể cả thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh)* theo đúng chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Quyết định số 1833/QĐ-UBND ngày 30/8/2023.

3. Sở Thông tin và Truyền thông chỉ đạo bộ phận có liên quan phối hợp với Thanh tra tỉnh cập nhật đầy đủ danh mục thủ tục hành chính, quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lên Hệ thống thông tin Một cửa điện tử tỉnh theo quy định *(chậm nhất trong thời gian 05 ngày kể từ ngày các Quyết định có hiệu lực)*.

4. UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm chỉ đạo công khai, niêm yết đầy đủ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết tại Bộ phận một cửa các cấp và tổ chức thực hiện việc giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các Quyết định trước đây về công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi quản lý nhà nước của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Lao động – Thương binh và Xã hội, Thông tin và Truyền thông, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ LĐTĐBXH;
- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh, Trung tâm QTI, VNPT;
- Bộ phận Một cửa cấp huyện;
- CPVP;
- Lưu: VT, TTPVHCCQN, HCTC. NCKS.

I:\Dropbox\CONG2023\RA SOAT-CHUAN HOA\QD CHUAN HOA\Thanhtra\0109-QD CH.doc

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hồ Quang Bửu

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HÓA THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
VÀ PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
(Kèm theo Quyết định số QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam)

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH: 123 TTHC										
I. THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND TỈNH (2)									<i>Đã ủy quyền giải quyết 02 TTHC</i>	
1. Tên lĩnh vực: Lao động (2)										
1.1	1.009466.000.00.00.H47	Thành lập Hội đồng thương lượng tập thể	20 ngày làm việc	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X		X	Không	- Bộ luật Lao động 2019; - Thông tư số 10/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020; - Quyết định số 1486/QĐ-UBND ngày 02/6/2021.	
1.2	1.009467.000.00.00.H47	Thay đổi Chủ tịch Hội đồng thương lượng tập thể, đại diện Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chức năng, nhiệm vụ, kế hoạch, thời gian hoạt động của Hội đồng thương lượng tập thể	07 ngày làm việc	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X		X	Không	- Bộ luật Lao động 2019; - Thông tư số 10/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020; - Quyết định số 1486/QĐ-UBND ngày 02/6/2021.	
II. THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CHỦ TỊCH UBND TỈNH (19)									<i>Đã ủy quyền giải quyết 21 TTHC</i>	
1. Tên lĩnh vực: Việc làm (1)										
1.1	1.009874.000.00.00.H47	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	07 ngày làm việc	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X		X	Không	- Nghị định số 23/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021; - Quyết định số 1486/QĐ-UBND ngày 02/6/2021.	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
2	Tên lĩnh vực: Giáo dục nghề nghiệp (17)									
2.1	1.000243.000.00.H47	Thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	16 ngày làm việc	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X		X	Không	- Luật Giáo dục nghề nghiệp; - Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016; - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018; - Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06/4/2022; - Quyết định số 1557/QĐ-UBND ngày 09/6/2022.	
2.2	2.000099.000.00.00.H47	Chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	10 ngày làm việc	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X		X	Không	- Luật Giáo dục nghề nghiệp; - Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016; - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018; - Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06/4/2022; - Quyết định số 1557/QĐ-UBND ngày 09/6/2022.	
2.3	1.000234.000.00.00.H47	Giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	15 ngày làm việc	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X		X	Không	- Luật Giáo dục nghề nghiệp; - Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016; - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018; - Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06/4/2022; - Quyết định số 1557/QĐ-UBND ngày 09/6/2022.	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
2.4	1.000031. 000.00.00.H47	Đổi tên trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	03 ngày làm việc	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X		X	Không	- Luật Giáo dục nghề nghiệp; - Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016; - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018; - Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06/4/2022; - Quyết định số 1557/QĐ-UBND ngày 09/6/2022.	
2.5	1.000553. 000.00.00.H47	Giải thể trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài	15 ngày làm việc	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X		X	Không	- Luật Giáo dục nghề nghiệp; - Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016; - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018; - Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06/4/2022; - Quyết định số 1557/QĐ-UBND ngày 09/6/2022	
2.6	1.000509. 000.00.00.H47	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	16 ngày làm việc	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X		X	Không	- Luật Giáo dục nghề nghiệp; - Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016; - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018; - Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06/4/2022; - Quyết định số 1557/QĐ-UBND ngày 09/6/2022	
2.7	1.000160. 000.00.00.H47	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; trường trung	16 ngày làm việc	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X		X	Không	- Luật Giáo dục nghề nghiệp; - Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016; - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018;	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
		cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận							Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019; - Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06/4/2022; - Quyết định số 1557/QĐ-UBND ngày 09/6/2022.	
2.8	1.000138. 000.00.00.H47	Chia, tách, sáp nhập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	10 ngày làm việc	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X		X	Không	- Luật Giáo dục nghề nghiệp; - Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016; - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018; Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019; - Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06/4/2022; - Quyết định số 1557/QĐ-UBND ngày 09/6/2022.	
2.9	1.000154. 000.00.00.H47	Cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài	07 ngày làm việc	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X		X	Không	- Luật Giáo dục nghề nghiệp; - Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016; - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018; Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019; - Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06/4/2022; - Quyết định số 1557/QĐ-UBND ngày 09/6/2022.	
2.10	1.010587. 000.00.00.H47	Thành lập Hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc UBND tỉnh	15 ngày làm việc	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X		X	Không	- Luật Giáo dục nghề nghiệp; - Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21/10/2021 - Quyết định số 3824/QĐ-UBND ngày 27/12/2021.	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
2.11	1.010588.000.00.00.H47	Thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc UBND cấp tỉnh	15 ngày làm việc	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X		X	Không	- Luật Giáo dục nghề nghiệp; - Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21/10/2021 - Quyết định số 3824/QĐ-UBND ngày 27/12/2021.	
2.12	1.010589.000.00.00.H47	Miễn nhiệm cách chức chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc UBND cấp tỉnh.	15 ngày làm việc	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X		X	Không	- Luật Giáo dục nghề nghiệp; - Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21/10/2021 - Quyết định số 3824/QĐ-UBND ngày 27/12/2021.	
2.13	1.010590.000.00.00.H47	Thành lập hội đồng trường trung cấp công lập	15 ngày làm việc	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X		X	Không	- Luật Giáo dục nghề nghiệp; - Thông tư số 14/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21/10/2021; - Quyết định số 3824/QĐ-UBND ngày 27/12/2021.	
2.14	1.010591.000.00.00.H47	Thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường trung cấp công lập	15 ngày làm việc	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X		X	Không	- Luật Giáo dục nghề nghiệp; - Thông tư số 14/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21/10/2021; - Quyết định số 3824/QĐ-UBND ngày 27/12/2021.	
2.15	1.010592.000.00.00.H47	Miễn nhiệm, cách chức chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường trung cấp công lập	15 ngày làm việc	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X		X	Không	- Luật Giáo dục nghề nghiệp; - Thông tư số 14/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21/10/2021; - Quyết định số 3824/QĐ-UBND ngày 27/12/2021.	
2.16	1.010927.000.00.00.H47	Thành lập phân hiệu của trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; cho phép thành lập	07 ngày làm việc	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X		X	Không	- Luật Giáo dục nghề nghiệp; - Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016; - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018;	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
		phân hiệu của trường trung cấp tư thực trên địa bàn.							- Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06/4/2022; - Quyết định số 1557/QĐ-UBND ngày 09/6/2022.	
2.17	1.000266.000.00.00.H47	Chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và phân hiệu của trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	15 ngày làm việc	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X		X	Không	- Luật Giáo dục nghề nghiệp; - Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016; - Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06/4/2022; - Quyết định số 1557/QĐ-UBND ngày 09/6/2022.	
3	Tên lĩnh vực: Người có công (1)									
3.1	1.004964.000.00.00.H47	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm - pu - chia	25 ngày làm việc	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X	X		Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng; - Thông tư liên tịch số 17/2014/TTLT-BLĐTĐTBXH-BTC ngày 01/8/2014; - Quyết định số 57/2013/QĐ-TTg ngày 14/10/2013; - Quyết định số 62/2015/QĐ-TTg ngày 04/12/2015; - Quyết định số 1563/QĐ-UBND ngày 09/6/2020.	
Tổng cộng		19				1	18			
III. THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ LAO ĐỘNG-TBXH (Bao gồm TTHC được UBND/Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền): 102 TTHC										
1. Tên lĩnh vực: An toàn, vệ sinh lao động (8)										
1.1	1.005449.000.00.00.H47	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn,	25 ngày làm việc	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X		X	1.200.000 đồng	- Luật an toàn, vệ sinh lao động ngày 25/6/2015; - Nghị định số 44/2016/NĐ-	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
		vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập)							CP ngày 15/5/2016; - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018; - Quyết định số 2003/QĐ-UBND ngày 18/6/2019.	
1.2	1.005450.000.00.00.H47	Gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, đổi tên Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Giấy chứng nhận	- Đối với trường hợp gia hạn, sửa đổi, bổ sung phạm vi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động: 25 ngày làm việc. - Đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận đủ	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X		X	a) Trường hợp gia hạn Giấy chứng nhận: 1.200.000 đồng. b) Trường hợp sửa đổi, bổ sung	- Luật an toàn, vệ sinh lao động ngày 25/6/2015; - Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016; - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018; - Quyết định số 2003/QĐ-UBND ngày 18/6/2019.	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
		doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập).	điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động trong trường hợp bị hỏng, mất, cấp đổi tên: 10 ngày làm việc.					phạm vi hoạt động Giấy chứng nhận: 500.000 đồng. c) Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận: không. d) Trường hợp cấp đổi tên tổ chức huấn luyện trong Giấy chứng nhận: không.		
1.3	2.002340.000.00.00.H47	Giải quyết chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của người lao động giao kết hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động, gồm: Chi phí giám định thương tật, bệnh tật;	- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan bảo hiểm xã hội có trách nhiệm giải quyết hưởng chế độ, trường	Bảo hiểm xã hội	X		X	Không	- Luật An toàn, vệ sinh lao động ngày 25/6/2015; - Nghị định số 88/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Quyết định số 2920/QĐ-UBND ngày 23/10/2020.	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
		trợ cấp hằng tháng hoặc một lần; trợ cấp phục vụ; hỗ trợ phương tiện trợ giúp sinh hoạt, dụng cụ chỉnh hình; dưỡng sức, phục hồi sức khỏe; trợ cấp khi người lao động chết do tai nạn lao động; đóng bảo hiểm y tế cho người nghỉ việc hưởng trợ cấp bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hằng tháng.	hợp không giải quyết thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Đối với trường hợp giải quyết hưởng trợ cấp dưỡng sức, phục hồi sức khỏe sau tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp: -Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được tiền do cơ quan bảo hiểm chuyển đến, người sử dụng lao động có trách nhiệm chi trả trợ cấp cho người lao động.							
1.4	2.002341.000.00.00.H47	Giải quyết chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của người lao động giao kết hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động, gồm: Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp; khám bệnh, chữa bệnh nghề nghiệp; phục hồi chức năng lao động.	- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tiến hành thẩm định hồ sơ, quyết định việc hỗ trợ. - Trong thời hạn	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X		X	Không	- Luật An toàn, vệ sinh lao động ngày 25/6/2015. - Nghị định số 88/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; - Quyết định số 2920/QĐ-UBND ngày 23/10/2020.	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
			05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được quyết định hỗ trợ của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, cơ quan bảo hiểm xã hội có trách nhiệm chi trả kinh phí hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp cho người sử dụng lao động.							
1.5	2.002342.000.00.00.H47	Giải quyết chế độ cho người lao động phát hiện bị bệnh nghề nghiệp khi đã nghỉ hưu hoặc không còn làm việc trong các nghề, công việc có nguy cơ bị bệnh nghề nghiệp, gồm: Chi phí giám định thương tật, bệnh tật; trợ cấp một lần hoặc hàng tháng; trợ cấp phục vụ; hỗ trợ phương tiện trợ giúp sinh hoạt, dụng cụ chỉnh hình; dưỡng sức, phục hồi sức khỏe; trợ cấp khi người lao động chết do bệnh nghề nghiệp; đóng bảo hiểm y tế cho người nghỉ việc hưởng trợ cấp bảo hiểm bệnh nghề nghiệp hằng tháng	- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tiến hành thẩm định hồ sơ, quyết định việc hỗ trợ và gửi quyết định (kèm theo dữ liệu danh sách hỗ trợ) cho cơ quan bảo hiểm xã hội. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định hỗ trợ của Sở Lao	Bảo hiểm xã hội	X		X	Không	- Luật An toàn, vệ sinh lao động ngày 25/6/2015. - Nghị định số 88/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; - Quyết định số 2920/QĐ-UBND ngày 23/10/2020.	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
			động - Thương binh và Xã hội, cơ quan bảo hiểm xã hội có trách nhiệm chi trả kinh phí hỗ trợ khám, chữa bệnh nghề nghiệp cho người lao động.							
1.6	2.002343.000.00.00.H47	Hỗ trợ chi phí khám, chữa bệnh nghề nghiệp cho người lao động phát hiện bị bệnh nghề nghiệp khi đã nghỉ hưu hoặc không còn làm việc trong các nghề, công việc có nguy cơ bị bệnh nghề nghiệp	<p>- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tiến hành thẩm định hồ sơ, quyết định việc hỗ trợ và gửi quyết định (kèm theo dữ liệu danh sách hỗ trợ) cho cơ quan bảo hiểm xã hội.</p> <p>- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định hỗ trợ của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, cơ quan bảo hiểm xã hội có trách</p>	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X		X	Không	<p>- Luật An toàn, vệ sinh lao động ngày 25/6/2015.</p> <p>- Nghị định số 88/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020;</p> <p>- Quyết định số 2920/QĐ-UBND ngày 23/10/2020.</p>	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
			nhiệm chi trả kinh phí hỗ trợ khám, chữa bệnh nghề nghiệp cho người lao động.							
1.7	2.000111.000.00.00.H47	Hỗ trợ kinh phí huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho doanh nghiệp	- Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tiến hành thẩm định hồ sơ, quyết định việc hỗ trợ. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được quyết định hỗ trợ của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, cơ quan bảo hiểm xã hội có trách nhiệm chi trả kinh phí hỗ trợ huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho người sử dụng lao động.	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X		X	Không	- Luật An toàn, vệ sinh lao động ngày 25/6/2015; - Nghị định số 88/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; - Quyết định số 2920/QĐ-UBND ngày 23/10/2020.	
1.8	2.000134.000.00.00.H47	Khai báo với Sở Lao động - Thương binh và	05 ngày làm việc	Trung tâm PVHCC	X		X	Không	- Căn cứ Luật an toàn, vệ sinh lao động ngày	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
		Xã hội địa phương khi đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động		Quảng Nam					25/6/2015; - Căn cứ Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ. - Căn cứ Nghị định 4/2023/NĐ-CP ngày 13/02/2023 của Chính phủ. - Căn cứ Thông tư số 16/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐ-TB&XH. - Quyết định số 22274/QĐ-LĐTBXH ngày 20/10/2023 của Sở LĐ-TB&XH.	
2. Tên lĩnh vực: Quản lý lao động ngoài nước (3)										
2.1	2.002028.000.00.00.H47	Đăng ký hợp đồng lao động trực tiếp giao kết	05 ngày làm việc	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X		X	Không	- Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng ngày 13/11/2020; - Thông tư số 21/2021/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2021; - Thông tư số 20/2021/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2021; - Quyết định số 392/QĐ-UBND ngày 15/02/2022.	
2.2	1.005132.000.00.00.H47	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập thời hạn dưới 90 ngày	05 ngày làm việc	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X		X	Không	- Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng ngày 13/11/2020; - Nghị định 112/2021/NĐ-CP ngày 10/12/2021;	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
									- Thông tư số 21/2021/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2021; - Thông tư số 20/2021/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2021; - Quyết định số 392/QĐ-UBND ngày 15/02/2022.	
2.3	1.000502.000.00.00.H47	Nhận lại tiền ký quỹ của doanh nghiệp đưa người lao động đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài (hợp đồng dưới 90 ngày)	05 ngày làm việc	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X		X	Không	- Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng ngày 13/11/2020; - Nghị định 112/2021/NĐ-CP ngày 10/12/2021; - Quyết định số 392/QĐ-UBND ngày 15/02/2022.	
3. Tên lĩnh vực: Lao động (6)										
3.1	1.000479.000.00.00.H47	Cấp Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	27 ngày làm việc	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X		X	Không	- Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/ 2020; - Quyết định số 1486/QĐ-UBND ngày 02/6/2021.	Được ủy quyền giải quyết tại Quyết định số 1726/QĐ-UBND ngày 16/8/2023
3.2	1.000464.000.00.00.H47	Gia hạn Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	27 ngày làm việc	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X		X	Không	- Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/ 2020; - Quyết định số 1486/QĐ-UBND ngày 02/6/2021.	Được ủy quyền giải quyết tại Quyết định số 1726/QĐ-UBND ngày 16/8/2023
3.3	1.000448.000.00.00.H47	Cấp lại Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	Đối với trường hợp doanh nghiệp thay đổi một trong các nội dung của giấy	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X		X	Không	- Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/ 2020; - Quyết định số 1486/QĐ-UBND ngày 02/6/2021.	Được ủy quyền giải quyết tại Quyết định số 1726/QĐ-UBND ngày

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
			<p>phép đã được cấp (gồm: tên doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính nhưng vẫn trên địa bàn cấp tỉnh đã cấp giấy phép, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp); giấy phép bị mất; giấy phép bị hu hỏng không còn đầy đủ thông tin trên giấy phép: 22 ngày làm việc (kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ).</p> <p>Đối với trường hợp doanh nghiệp thay đổi địa chỉ trụ sở chính sang địa bàn cấp tỉnh khác so với nơi đã được cấp giấy phép: 27 ngày làm việc (kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ).</p>							16/8/2023
3.4	1.000436.000.00.00.H47	Thu hồi Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	Đối với trường hợp chấm dứt hoạt động cho	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X		X	Không	- Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/ 2020; - Quyết định số 1486/QĐ-	Được ủy quyền giải quyết tại Quyết định số

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
			thuê lại theo đề nghị của doanh nghiệp cho thuê lại; doanh nghiệp giải thể hoặc bị Tòa án tuyên bố phá sản: 17 ngày làm việc (kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ của doanh nghiệp).						UBND ngày 02/6/2021.	1726/QĐ-UBND ngày 16/8/2023
3.5	1.000414.000.00.00.H47	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động	27 ngày làm việc	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X		X	Không	- Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/ 2020; - Quyết định số 1486/QĐ-UBND ngày 02/6/2021.	Được ủy quyền giải quyết tại Quyết định số 1726/QĐ-UBND ngày 16/8/2023
3.6	2.001955.00000.00.H47	Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp	06 ngày làm việc	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X		X	Không	- Bộ luật Lao động năm 2019; - Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/ 2020; - Quyết định số 1486/QĐ-UBND ngày 02/6/2021.	
4. Tên lĩnh vực: Tiền lương (2)										
4.1	1.004949.000.00.00.H47	Phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao thực hiện, quỹ tiền thưởng thực hiện năm trước và quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban	Không quy định	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X		X	Không	- Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016; - Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016; - Quyết định số 3208/QĐ-UBND ngày 25/10/2018.	Được ủy quyền giải quyết tại Quyết định số 1725/QĐ-UBND ngày 16/8/2023

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
		nhân dân tỉnh, thành phố làm chủ sở hữu								
4.2	2.001949.000.00.00.H47	Xếp hạng công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố làm chủ sở hữu (hạng Tổng công ty và tương đương, hạng I, hạng II và hạng III)	Không quy định	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X		X	Không	- Thông tư liên tịch số 23/2005/TTLT-BLĐTĐBXH-BTC ngày 31/8/2005 của liên Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội-Bộ Tài chính; - Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTĐBXH ngày 01/9/2016; - Quyết định số 3208/QĐ-UBND ngày 25/10/2018.	Được ủy quyền giải quyết tại Quyết định số 1725/QĐ-UBND ngày 16/8/2023
5. Tên Lĩnh vực: Việc làm (06)										
5.1	1.011546.000.00.00.H47	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với người lao động	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định (trong đó 10 ngày và 5 ngày làm việc).	Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương (Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội hoặc Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội)	X		X	Không	- Luật Việc làm số 38/2013/QH13 ngày 16/11/2013 của Quốc hội; - Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; - Quyết định số 789/QĐ-UBND ngày 18/4/2023.	
5.2	1.011547.000.00.00.H47	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định (trong đó 10 ngày và 5 ngày làm việc).	Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương (Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội)	X		X	Không	- Luật Việc làm số 38/2013/QH13 ngày 16/11/2013 của Quốc hội; - Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 74/2019/NĐ-	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
				hoặc Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội)					CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ; - Nghị định số 104/2Q22/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; - Quyết định số 789/QĐ-UBND ngày 18/4/2023.	
5.3	1.001865.000.00.H47	Cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	07 ngày làm việc	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X		X	Không	- Nghị định số 23/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021; - Quyết định số 1486/QĐ-UBND ngày 02/6/2021 của UBND tỉnh	Được ủy quyền giải quyết tại Quyết định số 1726/QĐ-UBND ngày 16/8/2023
5.4	1.001823.000.00.H47	Gia hạn giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	05 ngày làm việc	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X		X	Không	- Nghị định số 23/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021; - Quyết định số 1486/QĐ-UBND ngày 02/6/2021 của UBND tỉnh.	Được ủy quyền giải quyết tại Quyết định số 1726/QĐ-UBND ngày 16/8/2023
5.5	1.001853.000.00.H47	Cấp lại giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	+ Đối với trường hợp doanh nghiệp thay đổi một trong các nội dung của giấy phép đã được cấp (gồm: tên doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính nhưng vẫn trên địa bàn cấp tỉnh đã cấp giấy phép, người đại diện theo pháp luật của doanh	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X		X	Không	- Nghị định số 23/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021; - Quyết định số 1486/QĐ-UBND ngày 02/6/2021 của UBND tỉnh.	Được ủy quyền giải quyết tại Quyết định số 1726/QĐ-UBND ngày 16/8/2023

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
			nghiệp); giấy phép bị mất; giấy phép bị hu hỏng không còn đầy đủ thông tin trên giấy phép: 05 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ). + Đối với trường hợp doanh nghiệp thay đổi địa chỉ trụ sở chính sang địa bàn cấp tỉnh khác so với nơi đã được cấp giấy phép: 08 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ).							
5.6	1.009873.000.00.00.H47	Thu hồi Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	Đối với trường hợp chấm dứt hoạt động dịch vụ việc làm theo đề nghị của doanh nghiệp; doanh nghiệp giải thể hoặc bị Tòa án ra quyết định tuyên bố phá sản; doanh nghiệp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X		X	Không	- Nghị định số 23/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021; - Số 1486/QĐ-UBND ngày 02/6/2021 của UBND tỉnh.	Được ủy quyền giải quyết tại Quyết định số 1726/QĐ-UBND ngày 16/8/2023

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
			ngành: 03 ngày làm việc (kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ của doanh nghiệp).							
6. Tên lĩnh vực: Lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (06)										
6.1	1.000105.000.00.00.H47	Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài	10 ngày làm việc		X		X	Không	- Bộ Luật Lao động 2019; - Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ. - Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18/9/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 152/2020/NĐ-CP. - Quyết định số 22274/QĐ-LĐTBXH ngày 20/10/2023 của Sở LĐ-TB&XH.	Được ủy quyền giải quyết tại Quyết định số 1726/QĐ-UBND ngày 16/8/2023
6.2	2.000219.000.00.00.H47	Đề nghị tuyển người lao động Việt Nam vào các vị trí công việc dự kiến tuyển người lao động nước ngoài của nhà thầu	02 tháng kể từ ngày nhận được đề nghị tuyển từ 500 người lao động Việt Nam trở lên và tối đa 01 tháng kể từ ngày nhận được đề nghị tuyển từ 100 đến dưới 500 người lao động Việt Nam và 15 ngày kể từ				X	Không	- Bộ Luật Lao động 2019; - Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ. - Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18/9/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 152/2020/NĐ-CP. - Quyết định số 22274/QĐ-LĐTBXH ngày 20/10/2023 của Sở LĐ-TB&XH.	Được ủy quyền giải quyết tại Quyết định số 1726/QĐ-UBND ngày 16/8/2023

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
			ngày nhận được đề nghị tuyển dưới 100 người lao động Việt Nam kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.							
6.3	2.000205.000.00.00.H47	Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	05 ngày làm việc		X		X	300.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ Luật Lao động 2019; - Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ. - Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18/9/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 152/2020/NĐ-CP. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của HĐND tỉnh Quảng Nam. - Quyết định số 22274/QĐ-LĐTBXH ngày 20/10/2023 của Sở LĐ-TB&XH. 	
6.4	2.000192.000.00.00.H47	Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	03 ngày làm việc		X		X	225.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ Luật Lao động 2019; - Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ. 	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
									<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18/9/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 152/2020/NĐ-CP. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của HĐND tỉnh Quảng Nam. - Quyết định số 22274/QĐ-LĐTBXH ngày 20/10/2023 của Sở LĐ-TB&XH. 	
6.5	1.009811.000.00.00.H47	Gia hạn giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	05 ngày làm việc		X		X	225.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ Luật Lao động 2019; - Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ. - Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18/9/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 152/2020/NĐ-CP. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của HĐND tỉnh Quảng Nam. - Quyết định số 22274/QĐ-LĐTBXH ngày 20/10/2023 của Sở LĐ-TB&XH. 	
6.6	1.000459.000.	Xác nhận người lao	05 ngày làm		X		X	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ Luật Lao động 2019; 	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
	00.00.H47	động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động	việc						- Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ. - Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18/9/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 152/2020/NĐ-CP. - Quyết định số 22274/QĐ-LĐTBXH ngày 20/10/2023 của Sở LĐ-TB&XH.	
7. Tên lĩnh vực: Bảo trợ xã hội (12)										
7.1	2.000135.000.00.00.H47	Đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	05 ngày làm việc	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X		X	Không	- Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017; - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018; - Số 2003/QĐ-UBND ngày 18/6/2019 của UBND tỉnh.	
7.2	2.000141.000.00.00.H47	Đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	05 ngày làm việc	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X		X	Không	- Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017; - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018; - Số 2003/QĐ-UBND ngày 18/6/2019 của UBND tỉnh.	
7.3	2.000056.000.00.00.H47	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	15 ngày làm việc	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X		X	Không	- Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017; - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018; - Số 2003/QĐ-UBND ngày 18/6/2019 của UBND tỉnh.	
7.4	1.001806.000.00	Quyết định công nhận cơ	10 ngày làm việc	Trung tâm	X		X	Không	+ Luật Người khuyết tật ngày	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
	0.00.H47	sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật		PVHCC Quảng Nam					17/6/2010; + Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012; + Thông tư số 18/2018/TT-BLĐTBXH ngày 30/10/2018; - Số 2003/QĐ-UBND ngày 18/6/2019 của UBND tỉnh.	
7.5	2.000062.000.0 0.00.H47	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	15 ngày làm việc	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X		X	Không	- Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017; - Số 3208/QĐ-UBND ngày 25/10/2018 của UBND tỉnh.	
7.6	2.000051.000.0 0.00.H47	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Sở Lao động – Thương binh và Xã hội cấp	15 ngày làm việc	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X		X	Không	- Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017; - Số 3208/QĐ-UBND ngày 25/10/2018 của UBND tỉnh.	
7.7	2.000286.000.0 0.00.H47	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	34 ngày làm việc đối với tiếp nhận đối tượng vào cơ sở cấp tỉnh; 27 ngày làm việc đối với tiếp nhận đối tượng vào cơ sở cấp huyện	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X		X	Không	- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021; - Số 1563/QĐ-UBND ngày 09/6/2021.	
7.8	2.000282.000.0 0.00.H47	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	Cơ sở trợ giúp xã hội có trách nhiệm tiếp nhận ngay các đối tượng cần sự bảo vệ khẩn cấp để chăm sóc, nuôi	Cơ sở trợ giúp xã hội	X		X	Không	- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021; - Số 1563/QĐ-UBND ngày 09/6/2021.	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
			dưỡng và hoàn thiện các thủ tục theo quy định.							
7.9	2.000477.000.0 0.00.H47	Dùng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	07 ngày làm việc	Cơ sở trợ giúp xã hội	X		X	Không	- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021; - Số 1563/QĐ-UBND ngày 09/6/2021.	
7.10	1.001310.000.0 0.00.H47	Tiếp nhận đối tượng là người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn vào cơ sở trợ giúp trẻ em	03 ngày làm việc	Cơ sở trợ giúp xã hội	X		X	Không	- Thông tư số 55/2015/TT-BLĐTBXH ngày 16/12/2015; - Số 3208/QĐ-UBND ngày 25/10/2018 của UBND tỉnh.	
7.11	2.000144.000.0 0.00.H47	Tổ chức lại, giải thể cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	35 ngày làm việc	Sở Nội vụ; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	X		X	Không	- Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ; - Số 3208/QĐ-UBND ngày 25/10/2018 của UBND tỉnh.	
7.12	2.000216.000.0 0.00.H47	Thành lập cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	40 ngày làm việc	Sở Nội vụ; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	X		X	Không	- Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ; - Số 3208/QĐ-UBND ngày 25/10/2018 của UBND tỉnh.	
8. Tên lĩnh vực: Giáo dục nghề nghiệp (12)										
8.1	2.000189.000.0 0.00.H47	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo	10 ngày làm việc	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X		X	Không	- Luật Giáo dục nghề nghiệp; - Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016; - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018; - Nghị định số 15/2019/NĐ-	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
		dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp							CP ngày 01/02/2019; - Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06/4/2022; - Quyết định Số 1557/QĐ-UBND ngày 09/6/2022.	
8.2	1.000389.000.00.00.H47	Cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	- 10 ngày làm việc đối với các trường hợp quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 8 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP); - 03 ngày làm việc đối với trường hợp đổi tên doanh nghiệp.	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X		X	Không	- Luật Giáo dục nghề nghiệp; - Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016; - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018; - Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019; - Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06/4/2022; - Quyết định Số 1557/QĐ-UBND ngày 09/6/2022.	
8.3	1.000167.000.00.00.H47	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	10 ngày làm việc	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X		X	Không	- Luật Giáo dục nghề nghiệp; - Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019; - Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06/4/2022; - Quyết định Số 1557/QĐ-UBND ngày 09/6/2022.	
8.4	1.000530.000.00.00.H47	Đổi tên trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	03 ngày làm việc	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X		X	Không	- Luật Giáo dục nghề nghiệp; - Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019; - Nghị định số 24/2022/NĐ-	Được ủy quyền giải quyết tại Quyết định số 1726/QĐ-

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
									CP ngày 06/4/2022; - Quyết định Số 1557/QĐ-UBND ngày 09/6/2022.	UBND ngày 16/8/2023
8.5	1.000482.000.0 0.00.H47	Công nhận trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục, trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển sang hoạt động không vì lợi nhuận	20 ngày làm việc	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X		X	Không	- Luật Giáo dục nghề nghiệp; - Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019; - Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06/4/2022; - Quyết định Số 1557/QĐ-UBND ngày 09/6/2022.	Được ủy quyền giải quyết tại Quyết định số 1726/QĐ-UBND ngày 16/8/2023
8.6	1.010928.000.0 0.00.H47	Chấm dứt hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài của trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	10 ngày làm việc	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X		X	Không	- Luật Giáo dục nghề nghiệp; - Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019; - Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06/4/2022; - Quyết định Số 1557/QĐ-UBND ngày 09/6/2022.	
8.7	2.000632.000.0 0.00.H47	Công nhận giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục	20 ngày làm việc	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X		X	Không	- Luật Giáo dục nghề nghiệp. - Nghị định số 48/2015/NĐ-CP ngày 15/5/2015; - Thông tư số 57/2015/TT-BLĐTBXH ngày 25/12/2015; - Quyết định số 3208/QĐ-UBND ngày 25/10/2018.	Được ủy quyền giải quyết tại Quyết định số 1726/QĐ-UBND ngày 16/8/2023
8.8	1.010593.000.0 0.00.H47	Công nhận hội đồng quản trị trường trung cấp tư thục	15 ngày làm việc	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X		X	Không	- Luật Giáo dục nghề nghiệp; - Thông tư số 14/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21/10/2021; - Quyết định số 3824/QĐ-UBND ngày 27/12/2021.	
8.9	1.010594.000.0	Thay thế chủ tịch, thư	15 ngày làm việc	Trung tâm	X		X	Không	- Luật Giáo dục nghề nghiệp;	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
	0.00.H47	ký, thành viên hội đồng quản trị trường trung cấp tư thục; chấm dứt hoạt động hội đồng quản trị		PVHCC Quảng Nam					- Thông tư số 14/2021/TT-BLĐT BXH ngày 21/10/2021; - Quyết định số 3824/QĐ-UBND ngày 27/12/2021.	
8.10	1.010595.000.0 0.00.H47	Công nhận hiệu trưởng trung cấp tư thục	15 ngày làm việc	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X		X	Không	- Luật Giáo dục nghề nghiệp; - Thông tư số 14/2021/TT-BLĐT BXH ngày 21/10/2021; - Quyết định số 3824/QĐ-UBND ngày 27/12/2021.	Được ủy quyền giải quyết tại Quyết định số 1726/QĐ-UBND ngày 16/8/2023
8.11	1.010596.000.0 0.00.H47	Thôi công nhận hiệu trưởng trung cấp tư thục	15 ngày làm việc	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X		X	Không	- Luật Giáo dục nghề nghiệp; - Thông tư số 14/2021/TT-BLĐT BXH ngày 21/10/2021; - Quyết định số 3824/QĐ-UBND ngày 27/12/2021.	Được ủy quyền giải quyết tại Quyết định số 1726/QĐ-UBND ngày 16/8/2023
8.12	2.001959.000.0 0.00.H47	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	CS GDNN công lập đối chiếu, thẩm định hồ sơ của học sinh, sinh viên, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ. Khi hồ sơ hợp lệ. HSSV được cấp học bổng chính sách và các khoản hỗ trợ khác 02 lần trong năm học: lần 01 cấp cho 06 tháng vào tháng 10 hoặc	Cơ sở GDNN công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	X		X	Không	- Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20 tháng 10 năm 2015; - Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BLĐT BXH-BGDĐT-BTC ngày 16/6/2016; - Thông tư số 18/2018/TT-BLĐT BXH ngày 30/10/2018; - Quyết định số 795/QĐ-UBND ngày 24/3/2020.	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
			tháng 11 hằng năm; lần 02 cấp cho 06 tháng vào tháng 3 hoặc tháng 4 năm sau (CS GDNN công lập thông báo công khai về thời gia cấp học bổng chính sách và các khoản hỗ trợ). Trường hợp HSSV chưa nhận học bổng chính sách và các khoản hỗ trợ khác theo thời hạn quy định thì được truy lĩnh trong lần chi trả tiếp theo.							
9. Tên lĩnh vực: Người có công (37)										
9.1	1.010801.000.00.00.H47	Giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ	- 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định; - 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trường hợp quy định tại các điểm d, đ khoản 1 Điều 26 Nghị định số 131/2021/NĐ-	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X	X		Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020; - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP; - Quyết định số 1081/QĐ-UBND ngày 22/4/2022.	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
			CP; - 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị. Trường hợp thân nhân liệt sĩ đã được hưởng chế độ ưu đãi nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ. (Thời gian cụ thể được quy định tại từng bước của quy trình thực hiện).							
9.2	1.010802.000.00.00.H47	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác	- 12 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ đối với trường hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi thường trú của cá nhân đồng thời là Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi quản lý hồ sơ gốc liệt sĩ. - 17 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ đối với trường hợp Sở	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X	X		Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020; - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP; - Quyết định số 1081/QĐ-UBND ngày 22/4/2022.	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
			Lao động - Thương binh và Xã hội nơi thường trú của cá nhân không phải là Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi quản lý hồ sơ gốc liệt sĩ. (Thời gian cụ thể được quy định tại từng bước của quy trình thực hiện).							
9.3	1.010803.000.00.00.H47	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	24 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ (Thời gian cụ thể được quy định tại từng bước của quy trình thực hiện)	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X	X		Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020; - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP; - Quyết định số 1081/QĐ-UBND ngày 22/4/2022.	
9.4	1.010804.000.00.00.H47	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	24 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ (Thời gian cụ thể được quy định tại từng bước của quy trình thực hiện)	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X	X		Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020; - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP; - Quyết định số 1081/QĐ-UBND ngày 22/4/2022.	
9.5	1.010805.000.00.00.H47	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân,	24 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ (Thời gian cụ	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X	X		Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020;	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
		Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	thể được quy định tại từng bước của quy trình thực hiện)						- Nghị định số 131/2021/NĐ-CP; - Quyết định số 1081/QĐ-UBND ngày 22/4/2022.	
9.6	1.010806.000.00.00.H47	Công nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh	104 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, hồ sơ (Thời gian cụ thể được quy định tại từng bước của quy trình thực hiện)	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X	X		Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020; - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP; - Quyết định số 1081/QĐ-UBND ngày 22/4/2022.	
9.7	1.010807.000.00.00.H47	Khám giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với trường hợp còn sót vết thương, còn sót mảnh kim khí hoặc có tỷ lệ tổn thương cơ thể tạm thời hoặc khám giám định bổ sung vết thương và điều chỉnh chế độ đối với trường hợp không tại ngũ, công tác trong quân đội, công an	84 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ (Thời gian cụ thể được quy định tại từng bước của quy trình thực hiện)	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X	X		Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020; - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP; - Quyết định số 1081/QĐ-UBND ngày 22/4/2022.	
9.8	1.010808.000.00.00.H47	Giải quyết hưởng thêm một chế độ trợ cấp đối với thương binh đồng thời là bệnh binh	17 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ (Thời gian cụ thể được quy định tại từng bước của quy trình thực hiện)	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X	X		Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020; - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP; - Quyết định số 1081/QĐ-UBND ngày 22/4/2022.	
9.9	1.010809.000.00.00.H47	Giải quyết chế độ đối với thương binh đang hưởng chế độ mất sức lao động	24 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ (Thời gian cụ	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X	X		Không		

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
			thể được quy định tại từng bước của quy trình thực hiện)							
9.10	1.010810.000.000.H47	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an	<p>- 204 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. Đối với người bị thương thường trú tại địa phương nơi bị thương, do Ủy ban nhân dân huyện cấp Giấy chứng nhận bị thương.</p> <p>- 207 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. Đối với người bị thương thường trú tại địa phương khác, do Ủy ban nhân dân huyện cấp Giấy chứng nhận bị thương.</p> <p>- Trên 207 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. Đối với người bị thương thường trú tại địa phương khác, không do Ủy ban nhân dân huyện cấp Giấy chứng nhận bị thương.</p> <p>(Thời gian cụ thể</p>	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X	X		Không	<p>- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020;</p> <p>- Nghị định số 131/2021/NĐ-CP;</p> <p>- Quyết định số 1081/QĐ-UBND ngày 22/4/2022.</p>	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
			được quy định tại từng bước của quy trình thực hiện)							
9.11	1.010811.000.0 0.00.H47	Lập sổ theo dõi, cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý	42 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (Thời gian cụ thể được quy định tại từng bước của quy trình thực hiện).	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X	X		Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020; - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP; - Quyết định số 1081/QĐ-UBND ngày 22/4/2022.	
9.12	1.010812.000.0 0.00.H47	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý	17 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (Thời gian cụ thể được quy định tại từng bước của quy trình thực hiện).	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X	X		Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020; - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP; - Quyết định số 1081/QĐ-UBND ngày 22/4/2022.	
9.13	1.010813.000.0 0.00.H47	Đưa người có công đối với trường hợp đang được nuôi dưỡng tại cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý về nuôi dưỡng tại gia đình	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. (Thời gian cụ thể được quy định tại từng bước của quy trình thực hiện).	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X	X		Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020; - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP; - Quyết định số 1081/QĐ-UBND ngày 22/4/2022.	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
9.14	1.010814.000.0 0.00.H47	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ	17 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (Thời gian cụ thể được quy định tại từng bước của quy trình thực hiện).	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X	X		Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020; - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP; - Quyết định số 1081/QĐ-UBND ngày 22/4/2022.	
9.15	1.010815.000.0 0.00.H47	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng	37 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (Thời gian cụ thể được quy định tại từng bước của quy trình thực hiện).	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X	X		Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020; - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP; - Quyết định số 1081/QĐ-UBND ngày 22/4/2022.	
9.16	1.010816.000.0 0.00.H47	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	- 84 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. Trường hợp người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học. - 89 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. Trường hợp người hoạt động kháng chiến có con đẻ bị dị dạng, dị tật đã được hưởng chế độ ưu	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X	X		Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020; - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP; - Quyết định số 1081/QĐ-UBND ngày 22/4/2022.	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
			đãi mà bố (mẹ) chưa được hưởng. - 31 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. Trường hợp có vợ hoặc có chồng nhưng không có con đẻ.							
9.17	1.010817.000.000.H47	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	96 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (Thời gian cụ thể được quy định tại từng bước của quy trình thực hiện).	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X	X		Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020; - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP; - Quyết định số 1081/QĐ-UBND ngày 22/4/2022.	
9.18	1.010818.000.000.H47	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	24 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (Thời gian cụ thể được quy định tại từng bước của quy trình thực hiện).	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X	X		Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020; - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP; - Quyết định số 1081/QĐ-UBND ngày 22/4/2022.	
9.19	1.010819.000.000.H47	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	24 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (Thời gian cụ thể được quy định tại từng bước của quy trình thực hiện).	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X	X		Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020; - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP; - Quyết định số 1081/QĐ-UBND ngày 22/4/2022.	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
9.20	1.010820.000.0 0.00.H47	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng	24 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (Thời gian cụ thể được quy định tại từng bước của quy trình thực hiện).	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X	X		Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020; - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP; - Quyết định số 1081/QĐ-UBND ngày 22/4/2022.	
9.21	1.010821.000.0 0.00.H47	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	- 24 ngày đối với trường hợp hồ sơ người có công đang do quân đội, công an quản lý. - 15 ngày làm việc đối với trường hợp hồ sơ người có công không do quân đội, công an quản lý. (Thời gian cụ thể được quy định tại từng bước của quy trình thực hiện).	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X	X		Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020; - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP; - Quyết định số 1081/QĐ-UBND ngày 22/4/2022.	
9.22	1.010822.000.0 0.00.H47	Giải quyết phụ cấp đặc biệt hằng tháng đối với thương binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên, bệnh binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (Thời gian cụ thể được quy định tại từng bước của quy trình thực hiện).	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X	X		Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020; - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP; - Quyết định số 1081/QĐ-UBND ngày 22/4/2022.	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
9.23	1.010823.000.00.00.H47	Hưởng lại chế độ ưu đãi	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (Thời gian cụ thể được quy định tại từng bước của quy trình thực hiện).	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X	X		Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020; - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP; - Quyết định số 1081/QĐ-UBND ngày 22/4/2022.	
9.24	1.010824.000.00.00.H47	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần	- 24 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Đối với trợ cấp 1 lần và mai táng. - 31 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đối với trường hợp đủ điều kiện. Đối với trợ cấp tuất hằng tháng, trợ cấp tuất nuôi dưỡng hằng tháng. - 43 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đối với trường hợp con từ đủ 18 tuổi trở lên bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng. Đối với trợ cấp tuất hằng tháng, trợ cấp tuất nuôi dưỡng hằng tháng.	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X	X		Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020; - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP; - Quyết định số 1081/QĐ-UBND ngày 22/4/2022.	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
			(Thời gian cụ thể được quy định tại từng bước của quy trình thực hiện).							
9.25	1.010825.000.00.00.H47	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ	24 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (Thời gian cụ thể được quy định tại từng bước của quy trình thực hiện).	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X	X		Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020; - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP; - Quyết định số 1081/QĐ-UBND ngày 22/4/2022.	
9.26	1.010826.000.00.00.H47	Sửa đổi, bổ sung thông tin cá nhân trong hồ sơ người có công	24 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (Thời gian cụ thể được quy định tại từng bước của quy trình thực hiện).	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X	X		Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020; - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP; - Quyết định số 1081/QĐ-UBND ngày 22/4/2022.	
9.27	1.010827.000.00.00.H47	Di chuyển hồ sơ khi người hưởng trợ cấp ưu đãi thay đổi nơi thường trú	24 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (Thời gian cụ thể được quy định tại từng bước của quy trình thực hiện).	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X	X		Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020; - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP; - Quyết định số 1081/QĐ-UBND ngày 22/4/2022.	
9.28	1.010828.000.00.00.H47	Cấp trích lục hoặc sao hồ sơ người có công với cách mạng	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (Thời gian	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X	X		Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020; - Nghị định số 131/2021/NĐ-	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
			cụ thể được quy định tại từng bước của quy trình thực hiện).						CP; - Quyết định số 1081/QĐ-UBND ngày 22/4/2022.	
9.29	1.010829.000.00.00.H47	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (Thời gian cụ thể được quy định tại từng bước của quy trình thực hiện).	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X	X		Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020; - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP; - Quyết định số 1081/QĐ-UBND ngày 22/4/2022.	
9.30	1.010830.000.00.00.H47	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	09 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (Thời gian cụ thể được quy định tại từng bước của quy trình thực hiện).	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X	X		Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020; - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP; - Quyết định số 1081/QĐ-UBND ngày 22/4/2022.	
9.31	1.010831.000.00.00.H47	Cấp giấy xác nhận thông tin về nơi liệt sĩ hy sinh	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn (Thời gian cụ thể được quy định tại từng bước của quy trình thực hiện).	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X	X		Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020; - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP; - Quyết định số 1081/QĐ-UBND ngày 22/4/2022.	
9.32	1.001257.000.00.00.H47	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được	22 ngày làm việc	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X	X		Không	- Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; - Quyết định 24/2016/QĐ-TTg ngày 14/6/2016;	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
		tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương							- Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH; - Quyết định số 3208/QĐ-UBND ngày 25/10/2018.	
9.33	1.005387.000.00.00.H47	Hồ sơ, thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến được tặng huân chương, huy chương chết trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi.	25 ngày làm việc	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X	X		Không	- Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; - Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013; - Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013; - Thông tư 16/2014/TT-BLĐTBXH ngày 30/7/2014; - Thông tư số 18/2018/TT-BLĐTBXH ngày 30/10/2018; - Quyết định số 3208/QĐ-UBND ngày 25/10/2018.	
9.34	2.002307.000.00.00.H47	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh	25 ngày làm việc	Ủy ban nhân dân cấp xã, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	X	X		Không	- Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; - Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013; - Thông tư số 03/2020/TT-BLĐTBXH ngày 25/02/2020; - Quyết định số 1563/QĐ-UBND ngày 09/6/2020.	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
9.35	2.002308.000.00.00.H47	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp	Theo đúng quy định của pháp luật	Ủy ban nhân dân cấp xã, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	X	X		Không	- Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; - Quyết định số 170/2008/QĐ-TTg ngày 18/12/2008; - Thông tư số 24/2009/TT-BLĐTBXH ngày 10/7/2009; - Quyết định số 1563/QĐ-UBND ngày 09/6/2020.	
9.36	2.001157.000.00.00.H47	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	25 ngày làm việc	UBND cấp xã, Sở Nội vụ, Sở LĐTBXH, Chủ tịch UBND tỉnh, Hội cựu TNXP, các cơ quan liên quan	X	X		Không	- Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; - Nghị định số 31/2013/NĐ-CP; - Quyết định 40/2011/QĐ-TTg ngày 27/7/2011; - Thông tư liên tịch số 08/2012/TTLT-BLĐTBXH-BNV-BTC; - Quyết định số 3208/QĐ-UBND ngày 25/10/2018.	
9.37	2.001396.000.00.00.H47	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	25 ngày làm việc	UBND cấp xã, Sở Nội vụ, Sở LĐTBXH, Chủ tịch UBND tỉnh, Hội cựu TNXP, các cơ quan liên quan	X	X		Không	- Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; - Nghị định số 31/2013/NĐ-CP; - Quyết định 40/2011/QĐ-TTg ngày 27/7/2011; - Thông tư liên tịch số 08/2012/TTLT-BLĐTBXH-BNV-BTC; - Quyết định số 3208/QĐ-UBND ngày 25/10/2018.	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
10. Tên lĩnh vực: Trẻ em (2)										
10.1	1.004944.000.00.00.H47	Chăm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	- TH1: Không quy định; - TH 2: 05 ngày	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã	X	X		Không	- Luật trẻ em năm 2016. - Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017; - Quyết định số 3208/QĐ-UBND ngày 25/10/2018.	
10.2	1.004946.000.00.00.H47	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	Trong vòng 12 giờ từ khi nhận thông tin trẻ em được xác định có nguy cơ hoặc đang bị tổn hại nghiêm trọng về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, công an các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền phải áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em.	Cơ quan lao động - Thương binh và xã hội các cấp, cơ quan công an các cấp, Ủy ban nhân dân cấp xã, người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã	X	X		Không	- Luật trẻ em năm 2016. - Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017; - Quyết định số 3208/QĐ-UBND ngày 25/10/2018.	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
11. Tên lĩnh vực: Phòng, chống tệ nạn xã hội (8)										
11.1	2.000025.000.00.00.H47	Cấp Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	22 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X		X	Không	- Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11/01/2013; - Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH; - Quyết định số 3208/QĐ-UBND ngày 25/10/2018.	Được ủy quyền giải quyết tại Quyết định số 1726/QĐ-UBND ngày 16/8/2023
11.2	2.000027.000.00.00.H47	Cấp lại Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	14 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X		X	Không	- Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11/01/2013; - Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH; - Quyết định số 3208/QĐ-UBND ngày 25/10/2018.	Được ủy quyền giải quyết tại Quyết định số 1726/QĐ-UBND ngày 16/8/2023
11.3	2.000032.000.00.00.H47	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	14 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X		X	Không	- Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11/01/2013; - Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH; - Quyết định số 3208/QĐ-UBND ngày 25/10/2018.	Được ủy quyền giải quyết tại Quyết định số 1726/QĐ-UBND ngày 16/8/2023
11.4	2.000036.000.00.00.H47	Gia hạn Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	14 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X		X	Không	- Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11/01/2013; - Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH; - Quyết định số 3208/QĐ-UBND ngày 25/10/2018.	Được ủy quyền giải quyết tại Quyết định số 1726/QĐ-UBND ngày 16/8/2023
11.5	1.000091.000.00.00.H47	Đề nghị chấm dứt hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X		X	Không	- Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11/01/2013; - Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH; - Quyết định số 3208/QĐ-UBND ngày 25/10/2018.	Được ủy quyền giải quyết tại Quyết định số 1726/QĐ-UBND ngày 16/8/2023

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
11.6	1.010935.000.0 0.00.H47	Cấp giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X		X	Không	- Luật Phòng, chống ma túy số 73/2021/QH14. - Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021; - Quyết định số 1788/QĐ-UBND ngày 05/7/2022.	
11.7	1.010936.000.0 0.00.H47	Cấp lại giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X		X	Không	- Luật Phòng, chống ma túy số 73/2021/QH14. - Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021; - Quyết định số 1788/QĐ-UBND ngày 05/7/2022.	
11.8	1.010937.000.0 0.00.H47	Thu hồi Giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy trong trường hợp cơ sở cai nghiện có văn bản đề nghị dừng hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị dừng hoạt động cai nghiện ma túy	Trung tâm PVHCC Quảng Nam	X		X	Không	- Luật Phòng, chống ma túy số 73/2021/QH14. - Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021; - Quyết định số 1788/QĐ-UBND ngày 05/7/2022.	
Tổng cộng		102			102	39	63			23
B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN: 21 TTHC										
1. Tên lĩnh vực: Việc làm (2)										
1.1	1.011548.000.0 0.00.H47	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với người lao động	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	- Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương (Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội hoặc Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội);	X		X	Không	- Luật Việc làm số 38/2013/QH13 ngày 16/11/2013 của Quốc hội; - Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
				- Ủy ban nhân dân cấp huyện.					- Quyết định số 789/QĐ-UBND ngày 18/4/2023.	
1.2	1.011550.000.00.00.H47	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	- Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương (Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội hoặc Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội); - Ủy ban nhân dân cấp huyện	X	X		Không	- Luật Việc làm số 38/2013/QH13 ngày 16/11/2013 của Quốc hội; - Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ; - Nghị định số 104/2Q22/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; - Quyết định số 789/QĐ-UBND ngày 18/4/2023.	
2. Tên lĩnh vực: Giáo dục nghề nghiệp (2)										
2.1	2.002284.000.00.00.H47	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh	CS GDNN công lập đối chiếu, thẩm định hồ sơ của học sinh, sinh viên, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ. Khi hồ sơ hợp lệ. HSSV được cấp học bổng chính sách và các khoản hỗ trợ khác 02 lần trong năm	Cơ sở GDNN công lập trực thuộc huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh	X	X		Không	- Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015; - Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BLĐTĐ-BGDĐT-BTC ngày 16/6/2016; - Thông tư số 18/2018/TT-BLĐTĐ ngày 30/10/2018. - Quyết định số 795/QĐ-UBND ngày 24/3/2020.	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
			<p>học: lần 01 cấp cho 06 tháng vào tháng 10 hoặc tháng 11 hằng năm; lần 02 cấp cho 06 tháng vào tháng 3 hoặc tháng 4 năm sau (CS GDNN công lập thông báo công khai về thời gia cấp học bổng chính sách và các khoản hỗ trợ).</p> <p>Trường hợp HSSV chưa nhận học bổng chính sách và các khoản hỗ trợ khác theo thời hạn quy định thì được truy lĩnh trong lần chi trả tiếp theo.</p>							
2.2	2.001960.000.00.00.H47	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Phòng LĐ-TB&XH huyện, thị xã thành phố đối chiếu, thẩm định hồ sơ của học sinh, sinh viên, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ. Khi hồ sơ hợp lệ.	Phòng LĐ-TB&XH huyện, thị xã thành phố nơi HSSV học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục và cơ sở giáo dục nghề nghiệp có	X	X		Không	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015; - Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BLĐTBXH-BGDĐT-BTC ngày 16/6/2016; - Thông tư số 18/2018/TT-BLĐTBXH ngày 30/10/2018; - Quyết định số 795/QĐ-UBND ngày 24/3/2020. 	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
			HSSV được cấp học bổng chính sách và các khoản hỗ trợ khác 02 lần trong năm học: lần 01 cấp cho 06 tháng vào tháng 10 hoặc tháng 11 hằng năm; lần 02 cấp cho 06 tháng vào tháng 3 hoặc tháng 4 năm sau (Phòng LĐ-TB&XH huyện, thị xã thành phố thông báo công khai về thời gia cấp học bổng chính sách và các khoản hỗ trợ). Trường hợp HSSV chưa nhận học bổng chính sách và các khoản hỗ trợ khác theo thời hạn quy định thì được truy lĩnh trong lần chi trả tiếp theo.	vốn đầu tư nước ngoài có hộ khẩu thường trú						
3. Tên lĩnh vực: Người có công (1)										
3.1	1.010832.000.00.00.H47	Thăm viếng mộ liệt sỹ	06 ngày làm việc từ ngày tiếp nhận đủ giấy tờ theo quy định.	Bộ phận Một cửa cấp huyện	X	X		Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020; - Nghị định số 131/2021/NĐ-	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
									CP; - Quyết định số 1081/QĐ-UBND ngày 22/4/2022.	
4. Tên lĩnh vực: Bảo trợ xã hội (12)										
4.1	1.000669.000.0 0.00.H47	Đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội	05 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa cấp huyện	X	X		Không	- Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017; - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018; - Quyết định số 2003/QĐ-UBND ngày 18/6/2019.	
4.2	2.000291.000.0 0.00.H47	Đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	05 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa cấp huyện	X	X		Không	- Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017; - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018; - Quyết định số 2003/QĐ-UBND ngày 18/6/2019.	
4.3	1.001776.000.0 0.00.H47	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	22 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa cấp huyện	X	X		Không	- Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017; - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018; - Quyết định số 599/QĐ-UBND ngày 27/3/2023.	
4.4	1.001758.000.0 0.00.H47	Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	06 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa cấp huyện	X	X		Không	- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021; - Quyết định số 1563/QĐ-UBND ngày 09/6/2021.	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
4.5	1.001753.000.0 0.00.H47	Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	08 ngày làm việc, kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đối tượng cư trú mới nhận được hồ sơ của đối tượng (do Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội nơi cư trú cũ của đối tượng gửi đến)	Bộ phận Một cửa cấp huyện	X	X		Không	- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021; - Quyết định số 1563/QĐ-UBND ngày 09/6/2021.	
4.6	1.001731.000.0 0.00.H47	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	05 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa cấp huyện	X	X		Không	- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021; - Quyết định số 1563/QĐ-UBND ngày 09/6/2021.	
4.7	2.000777.000.0 0.00.H47	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí điều trị người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc	02 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa cấp huyện	X	X		Không	- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021; - Quyết định số 1563/QĐ-UBND ngày 09/6/2021.	
4.8	1.001739.000.0 0.00.H47	Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	05 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa cấp huyện	X	X		Không	- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021; - Quyết định số 1563/QĐ-UBND ngày 09/6/2021.	
4.9	2.000744.000.0 0.00.H47	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng	03 ngày làm việc (kể từ khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nhận được đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã)	Bộ phận Một cửa cấp huyện	X	X		Không	- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021; - Quyết định số 1563/QĐ-UBND ngày 09/6/2021.	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
4.10	2.000298.000.0 0.00.H47	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	15 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa cấp huyện	X	X		Không	- Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017; - Quyết định số 3208/QĐ-UBND ngày 25/10/2018.	
4.11	2.000294.000.0 0.00.H47	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	15 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa cấp huyện	X	X		Không	- Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017; - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018; - Quyết định số 3208/QĐ-UBND ngày 25/10/2018.	
4.12	1.000684.000.0 0.00.H47	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp.	15 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa cấp huyện	X	X		Không	- Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017; - Quyết định số 3208/QĐ-UBND ngày 25/10/2018.	
5. Tên lĩnh vực: Phòng, chống tệ nạn xã hội (4)										
5.1	1.010938.000.0 0.00.H47	Công bố tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	10 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa cấp huyện	X	X		Không	- Luật Phòng, chống ma túy số 73/2021/QH14. - Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021; - Quyết định số 1788/QĐ-UBND ngày 05/7/2022.	
5.2	1.010939.000.0 0.00.H47	Công bố lại tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	10 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa cấp huyện	X	X		Không	- Luật Phòng, chống ma túy số 73/2021/QH14. - Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021; - Quyết định số 1788/QĐ-UBND ngày 05/7/2022.	
5.3	1.010940.000.0 0.00.H47	Công bố cơ sở cai nghiện ma túy tự	10 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa cấp	X	X		Không	- Luật Phòng, chống ma túy số 73/2021/QH14.	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
		nguyên, cơ sở cai nghiện ma túy công lập đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng		huyện					- Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021; - Quyết định số 1788/QĐ-UBND ngày 05/7/2022.	
5.4	2.001661.000.0 0.00.H47	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	10 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa cấp huyện	X	X		Không	- Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11/01/2013. - Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2013. - Quyết định số 3208/QĐ-UBND ngày 25/10/2018.	
Tổng cộng		21			21	21				
C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ: 15 TTHC										
1. Tên lĩnh vực: Người có công (1)										
1.1	1.010833.000.0 0.00.H47	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công	05 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa cấp xã	X	X		Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020; - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021; - Quyết định số 1058/QĐ-UBND ngày 25/5/2023;	
2. Tên lĩnh vực: Bảo trợ xã hội (8)										
2.1	1.001699.000.0 0.00.H47	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	25 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa cấp xã	X	X		Không	- Luật người khuyết tật ngày 17/6/2010; - Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012; - Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02/01/2019; - Quyết định số 2003/QĐ-UBND ngày 18/6/2019.	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
2.2	1.001653.000.0 0.00.H47	Cấp đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	05 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa cấp xã	X	X		Không	- Luật người khuyết tật ngày 17/6/2010; - Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012; - Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02/01/2019; - Quyết định số 2003/QĐ-UBND ngày 18/6/2019.	
2.3	2.000751.000.0 0.00.H47	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	02 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa cấp xã	X	X		Không	- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021; - Quyết định số 1563/QĐ-UBND ngày 09/6/2021.	
2.4	2.000355.000.0 0.00.H47	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	10 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa cấp xã	X	X		Không	- Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017; - Quyết định số 3208/QĐ-UBND ngày 15/10/2018.	
2.5	1.011606.000.0 0.00.H47	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm	Rà soát từ ngày 01 tháng 9 đến hết ngày 14 tháng 12 của năm	Bộ phận Một cửa cấp xã	X	X		Không	- Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021; - Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022; - Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021; - Quyết định số 984/QĐ-UBND ngày 17/5/2023.	
2.6	1.011607000.0 0.00.H47	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm	15 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa cấp xã	X	X		Không	- Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021; - Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022; - Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021; - Quyết định số 984/QĐ-UBND ngày 17/5/2023.	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
2.7	1.011608000.0 0.00.H47	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm	15 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa cấp xã	X	X		Không	- Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021; - Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022; - Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021; - Quyết định số 984/QĐ-UBND ngày 17/5/2023.	
2.8	1.011609000.0 0.00.H47	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	15 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa cấp xã	X	X		Không	- Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021; - Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022; - Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021; - Quyết định số 984/QĐ-UBND ngày 17/5/2023.	
3. Tên lĩnh vực: Trẻ em (4)										
3.1	2.001947.000.0 0.00.H47	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	07 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa cấp xã	X	X		Không	- Luật trẻ em năm 2016; - Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017; - Quyết định số 3208/QĐ-UBND ngày 15/10/2018.	
3.2	1.004941.000.0 0.00.H47	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	15 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa cấp xã	X	X		Không	- Luật trẻ em năm 2016; - Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017; - Quyết định số 3208/QĐ-UBND ngày 15/10/2018.	
3.3	2.001944.000.0 0.00.H47	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người	15 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa cấp xã	X	X		Không	- Luật trẻ em năm 2016; - Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017;	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
		đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em							- Quyết định số 3208/QĐ-UBND ngày 15/10/2018.	
3.4	2.001942.000.00.00.H47	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	25 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa cấp xã	X	X		Không	- Luật trẻ em năm 2016; - Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017; - Quyết định số 3208/QĐ-UBND ngày 15/10/2018.	
4. Tên lĩnh vực: Phòng, chống tệ nạn xã hội (2)										
4.1	1.010941.000.00.00.H47	Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện	03 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa cấp xã	X	X		Không	- Luật Phòng, chống ma túy số 73/2021/QH14; - Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021; - Quyết định số 1788/QĐ-UBND ngày 05/7/2022.	
4.2	1.000132.000.00.00.H47	Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình	03 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa cấp xã	X	X		Không	- Luật Phòng, chống ma túy số 73/2021/QH14; - Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021; - Quyết định số 3208/QĐ-UBND ngày 15/10/2018	
Tổng cộng		15			15	15				